TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2017/DS-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân;

2. Ông Nguyễn Vũ Hạnh Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2017, về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST-DS ngày 09/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2017/ QĐST-DS ngày 30/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H

Trụ sở: Đường N, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1981; thường trú tại: xã H, huyện H, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 3424700906/2016GUQ ngày 25/5/2016) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đường B, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/5/2016 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/7/2014, bà D có ký hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H (Sau đây gọi là Công ty) có số hợp đồng 3424700906, theo đó Công ty cho bà D vay số tiền 9.030.000 (chín triệu không trăm ba mươi ngàn) đồng để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay 12 tháng. Thanh toán bằng hình thức trả góp mỗi tháng với số tiền góp mỗi tháng là 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Lãi suất vay là 6,44%/tháng. Tổng số tiền bà D phải trả là 13.500.000 (mười ba triệu năm

trăm ngàn) đồng. Thực hiện hợp đồng bà D đã thanh toán cho Công ty được tổng số tiền 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Đến nay, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Do bà D vi phạm hợp đồng nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà D:

- Thanh toán các khoản tiền góp còn lại của hợp đồng là 10.125.000 (mười triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

- Thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo Điều 6.2 (iii) của Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký là 1.150.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà D phải thanh toán cho Công ty là 11.275.000 (mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên do phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án. Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà D chậm trả tiền khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do bị đơn là bà D có nơi cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Bà D đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán số nợ với số tiền tổng cộng là 11.275.000 (mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, trong đó gồm:

- Tiền nợ góp còn lại của hợp đồng là 10.125.000 (mười triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

- Phạt do vi phạm hợp đồng là 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Xét bà D đã vay tiền Công ty theo hợp đồng tín dụng số 3424700906 ngày 31/7/2014 nhưng vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên Công ty khởi kiện đòi số tiền còn nợ là 11.275.000 (mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, bao gồm nợ vốn gốc và lãi là 10.125.000 (mười triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng; Phạt do vi phạm hợp đồng là 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng, là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 422, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Công ty không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên do phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà D chậm trả tiền khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét yêu cầu này của Công ty là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 563.750 (năm trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào :

- Các Điều 422, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

Buộc bà D trả cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền nợ là 11.275.000 (mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu là 563.750 (năm trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026880 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Phúc